

ĐẶNG VIỆT THỦY (Chủ biên)

Hỏi đáp về 54 dân tộc Việt Nam



DX.035957



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

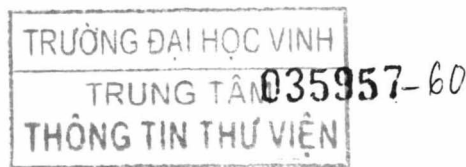
32(V)5

988 - 2008

QĐND - 2009

TỦ SÁCH LỊCH SỬ VIỆT NAM

HỎI ĐÁP VỀ 54 DÂN TỘC VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2009

Ban biên soạn:

Thượng tá ĐẶNG VIỆT THỦY (*Chủ biên*)

Thiếu tá HOÀNG THỊ THU HOÀN

Thượng úy PHAN NGỌC DOÃN

Hoàn chỉnh bản thảo:

Thượng úy NGUYỄN MINH THỦY

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam là một quốc gia gồm nhiều dân tộc. Ngành dân tộc học và các ngành khoa học có liên quan đã xác định được 54 dân tộc khác nhau đang sinh sống trên đất nước Việt Nam. Trong số 54 dân tộc, có những dân tộc vốn sinh ra và phát triển trên mảnh đất Việt Nam ngay từ thuở ban đầu, có những dân tộc từ nơi khác lần lượt di cư đến nước ta. Do vị trí nước ta hết sức thuận lợi cho việc giao lưu nên nhiều dân tộc ở các nước xung quanh vì nhiều nguyên nhân đã di cư từ Nam lên, từ Tây sang, song chủ yếu từ Bắc xuống, rồi định cư trên lãnh thổ nước ta. Những đợt di cư nói trên kéo dài mãi cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, thậm chí có bộ phận dân cư còn chuyển đến nước ta sau năm 1945. Đây là những đợt di cư lẻ tẻ, bao gồm một số hộ gia đình đồng tộc.

Trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, dân số giữa các dân tộc rất không đồng đều, có dân tộc với số dân trên một triệu người, nhưng cũng có dân tộc chỉ vài trăm người. Trong đó, dân tộc Kinh là dân tộc chiếm tỷ lệ lớn nhất trong dân cư nước ta, có trình độ phát triển cao hơn, là lực lượng đoàn kết, đóng vai trò chủ lực và đi đầu trong quá trình đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước, góp phần to lớn vào

việc hình thành, củng cố và phát triển cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Tuy số dân có sự chênh lệch đáng kể, nhưng các dân tộc vẫn coi nhau như anh em một nhà, quý trọng, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cả khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn. Ngày nay, trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, các dân tộc anh em trên đất nước ta tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Với mục đích mang đến cho bạn đọc những thông tin ngắn gọn và tìm hiểu sâu hơn về các dân tộc cùng chung sống trên một lãnh thổ, chúng tôi tổ chức sưu tầm, biên soạn cuốn sách "**Hỏi đáp về 54 dân tộc Việt Nam**". Nội dung từng câu hỏi và trả lời phản ánh tương đối đầy đủ những nét cơ bản của mỗi dân tộc như: Tên gọi khác, nguồn gốc lịch sử, sự phân bố dân cư, nhóm địa phương, nhóm ngôn ngữ, đặc điểm kinh tế cũng như các phong tục tập quán trong sinh hoạt đời sống văn hóa xã hội, v.v...

Hy vọng cuốn sách sẽ giúp bạn đọc có thêm kiến thức về các dân tộc Việt Nam và từ đó yêu mến hơn con người, cảnh vật Tổ quốc mình. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý, phê bình của bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Câu hỏi 1: Trình bày điều kiện lịch sử hình thành dân tộc Việt Nam

Trả lời:

Ở Việt Nam, dân tộc được hình thành sớm do đặc điểm của các hình thái kinh tế - xã hội tiền tư bản mang đặc trưng của xã hội phương Đông và do những điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta. Những điều kiện lịch sử chính có tác động đến sự hình thành dân tộc Việt Nam đó là:

** Đặc điểm phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội tiền tư bản chủ nghĩa.*

Chế độ công xã nguyên thủy là hình thái kinh tế - xã hội đầu tiên có tính tất yếu và phổ biến trong lịch sử loài người. Ở Việt Nam, chế độ công xã nguyên thủy tồn tại hàng vạn năm và kéo dài cho đến giai đoạn sơ kỳ đồ đồng.

Sau chế độ công xã nguyên thủy, Việt Nam bước sang xã hội có giai cấp sơ kỳ với những đặc điểm của phương thức sản xuất châu Á. Trong xã hội đó, công xã nông thôn với quyền sở hữu toàn bộ ruộng đất của công xã là cơ sở xã hội phổ biến và bền vững. Thành viên công xã là lực lượng sản xuất chủ yếu. Quan hệ bóc lột nô lệ xuất hiện và phát triển ở một mức độ nào đó dưới dạng chế độ nô lệ gia trưởng và không hề chiếm địa vị chủ đạo trong xã hội. Sự phân hoá xã hội tăng tiến dần, tuy có mâu thuẫn nhau nhưng chưa đạt tới đỉnh cao gay gắt. Như vậy, Việt Nam

không trải qua thời kỳ phát triển của chế độ chiếm hữu nô lệ. Điều này đã ảnh hưởng tới quá trình hình thành của dân tộc Việt Nam.

Từ thế kỷ X, Việt Nam bước vào quá trình phong kiến hoá trên cơ sở phương thức sản xuất châu Á để dẫn đến sự xác lập của chế độ phong kiến từ thế kỷ XV. Chế độ phong kiến Việt Nam khác hẳn với chế độ phong kiến phương Tây. Ở phương Tây, chế độ phong kiến tồn tại dưới hình thức phân quyền cát cứ kiểu lãnh địa biệt lập. Ở Việt Nam, dưới thời Lý, Trần, kinh tế điền trang thái ấp chiếm một tỷ trọng nhất định nhưng hoàn toàn không mang tính chất lãnh địa biệt lập kiểu phương Tây. Công xã nông thôn (làng, xã) vẫn tồn tại phổ biến với quyền sở hữu trên thực tế đại bộ phận ruộng đất và quyền tự trị khá lớn. Nhà nước trung ương tập quyền xuất hiện sớm, là người chủ sở hữu tối cao về ruộng đất, bóc lột tô thuế và lao dịch đối với nông dân công xã. Bên cạnh đó, chế độ tư hữu ruộng đất ra đời, ngày càng phát triển dẫn đến sự ra đời một tầng lớp địa chủ và tầng lớp tiểu nông.

Từ thế kỷ XV, chế độ phong kiến được xác lập thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của chế độ tư hữu ruộng đất, kinh tế địa chủ, kinh tế tiểu nông và quá trình phong kiến hoá sâu sắc trong cơ cấu công xã nông thôn. Vào đầu thế kỷ XIX, các loại đất công của làng, xã chỉ còn lại 17%, trong khi ruộng đất tư hữu tăng lên 83%.

Như vậy, chế độ phong kiến Việt Nam hình thành, phát triển trên cơ sở bảo tồn và phong kiến hoá dần kết cấu kinh tế - xã hội của phương thức sản xuất châu Á

nhưng không có giai đoạn phát triển kinh tế lãnh địa với quan hệ lãnh chúa, nông nô, không có tình trạng cát cứ kiểu hầu quốc, công quốc. Xu hướng cát cứ dựa trên nền tảng kinh tế tự nhiên và lợi ích của một số thổ hào, tù trưởng địa phương có thời kỳ xảy ra nhưng nhanh chóng bị dẹp tan; chế độ trung ương tập quyền và quốc gia thống nhất sớm được xác lập củng cố vững vàng. Do đó, Việt Nam không có khả năng tất yếu dẫn đến sự hình thành dân tộc tư sản nhưng chế độ phong kiến lại không chứa đựng những yếu tố cản trở và đối lập với quan hệ dân tộc. Điều đó đã tạo ra những yếu tố thuận lợi cho việc sớm hình thành dân tộc Việt Nam.

** Yêu cầu của cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên, phát triển nông nghiệp trồng lúa nước.*

Việt Nam là một nước có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nền tảng kinh tế là nông nghiệp trồng lúa nước, nhân dân ta bao đời nay phải đấu tranh chống lại mỗi đe dọa của thiên tai như: lũ lụt, hạn hán, mưa bão, sâu bệnh,... cho nên phải thường xuyên đắp đê, đắp đập, đào kênh mương, xây dựng những công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu cho cây lúa nước.

Công cuộc chinh phục thiên nhiên, phát triển nông nghiệp đòi hỏi các đơn vị sản xuất lúc đó là các gia đình nhỏ phải sớm quần tụ lại trong những cộng đồng như làng, xã (công xã nông thôn). Nhiều làng xã tập hợp lại trong một cộng đồng lớn hơn là nước (quốc gia) với thể chế nhà nước tập quyền mới có khả năng xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi.

Trong lịch sử Việt Nam, từ khi nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ra đời đã bước đầu đắp đê, ngăn lũ, khai phá ruộng đồng, lập làng dựng xóm. Từ thế kỷ thứ X trở đi, đặc biệt từ thế kỷ XI đến XV, dưới thời Lý, Trần, Lê, nhà nước đã tiến hành tổ chức đắp đê làm thủy lợi trên quy mô lớn. Nước Đại Việt thời Trần đã thiết lập cơ quan chuyên trách là "Hà đê sứ". Đây là cơ quan có chức năng trọng yếu của nhà nước để chỉ đạo và giám sát, đôn đốc nhân dân các địa phương tu bổ đê điều với trách nhiệm của toàn dân, không phân biệt sang hèn, già trẻ.

Đối với đồng bào vùng cao, để duy trì sản xuất nông nghiệp, dù canh tác theo lối đao canh hoả chủng (đốt rẫy làm nương) hay thủy nậu (làm ruộng nước bằng trâu quần) cũng đòi hỏi phải hợp sức giữa các bản làng, giữa các thành phần dân cư trong khai phá đồng ruộng, làm nương phải dẫn nước tưới tiêu cho cây trồng.

Trong công cuộc đắp đê, làm thủy lợi, nhà nước tập quyền và công xã nông thôn giữ vai trò tổ chức và quản lý hết sức quan trọng. Khi chức năng kinh tế đó được phát huy thì nông nghiệp và toàn bộ nền kinh tế có điều kiện phát triển thuận lợi. Ngược lại, khi chính quyền trung ương không quan tâm hoặc bất lực trong xây dựng và quản lý các công trình công cộng đó, lập tức sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển nông nghiệp.

Như vậy, công cuộc chinh phục thiên nhiên và phát triển nông nghiệp đã nảy sinh yêu cầu khách quan thúc đẩy sự liên kết dân cư trong cộng đồng công xã nông thôn và cộng đồng quốc gia.